

Bản án số: 30/2022/HS-ST  
Ngày 25 - 11 - 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Mạnh Nô.

Ông Nguyễn Minh Thư.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Minh Hậu - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang:** Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2022/TLST-HS ngày 28/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 đối với:

- **Bị cáo:** Đặng Văn T; sinh năm 1982; nơi sinh: Huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T, sinh năm 1953 và con bà Bồn Thị D, sinh năm 1955; có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ Đặng Thị H, sinh năm 1982 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

**Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Văn Lượng - Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang ( Vắng mặt).

- **Nguyên đơn dân sự:** UBND xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Văn Kiên; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Y (Có mặt).

**- Những người làm chứng:**

+ Ông: Đặng Văn T; sinh năm 1953 (Có mặt); ông: Hoàng Văn D ; sinh năm 1987 ( Vắng mặt);

Đều cư trú tại: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1995 gia đình ông Đặng Văn T, trú tại Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (bố đẻ Đặng Văn T) có đi lên khu rừng thuộc xóm N, Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang để phát nương làm cấy và tự quản lý, trông coi khu rừng đến năm 2000 thì ông T có giao lại cho Đặng Văn T quản lý.

Năm 2019 UBND huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang có chủ trương giao rừng cho các hộ dân để quản lý, bảo vệ, hộ gia đình Đặng Văn T được giao quản lý khu rừng trên.

Đến tháng 5 năm 2021 Đặng Văn T đã nảy sinh ý định chặt phá toàn bộ các cây gỗ thuộc khu rừng do mình quản lý để chuyển sang trồng cây có giá trị kinh tế cao mang theo 01 máy cưa xăng, màu cam đen, ký hiệu Husqvarna 365, 01 con dao quắm đi lên khu rừng thuộc xóm Nà Pu, Thôn B, xã Y, huyện Bắc Mê để tiến hành chặt phá toàn bộ cây gỗ tự nhiên. Trong khoảng thời gian 07 ngày Đặng Văn T đã phát trắng toàn bộ diện tích 21.000 m<sup>2</sup>, tổng số cây T khai thác khoảng 300 cây chủ yếu là Kháo nhậm, Cáng lò, Châu, Bồ đề và một số cây gỗ thông thường khác, cây có đường kính trung khoảng 10-50cm trong đó một số cây gỗ to bao gồm: 6,094 m<sup>3</sup> gỗ Cáng lò, 1,075 m<sup>3</sup> gỗ Chò Xót, 2,398 m<sup>3</sup> gỗ tròn nhóm VIII cắt thành xà cột ván bung nhà và dùng toàn bộ số gỗ trên để dựng 01 gian nhà tại khu rừng thuộc xóm Nà Pu, Thôn B, xã Y đối với những cây nhỏ và cành, ngọn khoảng 15m<sup>3</sup>T trao đổi được 20.000 (hai mươi nghìn) giống cây mỡ với ông Hoàng Văn D, trú tại Thôn B, xã Y, huyện B. Sau khi phát dọn xong T cho vợ và con đi hộ trồng 20.000 cây mỡ vào diện tích rừng phát. Đến ngày 25/02/2022 thì bị lực lượng tuần rừng của cơ quan Hạt kiểm lâm huyện Bắc Mê phát hiện và lập biên bản xử lý theo quy định.

Kết quả khám nghiệm hiện và xác định hiện trường xác định: Tổng số diện tích rừng do Đặng Văn T hủy hoại là 21.000 m<sup>2</sup> (Hai mươi một nghìn mét vuông). Tổng số cây bị chặt phá là 316 cây (chủ yếu là gỗ Kháo, Châu, Cáng lò và gỗ thông thường) gỗ tròn từ nhóm VI đến nhóm VIII; vị trí khu rừng bị chặt phá thuộc lô 7, 8, khoảnh 2, tiểu khu 151B, chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Căn cứ vào các điểm tọa độ xác định tại hiện trường, đối chiếu với Bản đồ giao rừng năm 2019 (Theo Quyết định 279/QĐ-UBND, ngày 09/3/2020 của UBND huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang về việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân) vị trí hủy hoại rừng trên đã giao rừng cho gia đình bị cáo Đặng Văn T là người quản lý, bảo vệ.

Tại Bản kết luận số 21/KL-HĐĐG ngày 05/7/2022 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Mê kết luận: 6,094 m<sup>3</sup> Gỗ Cáng Lò có trị giá là 18.282.000 (Mười tám triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn đồng); 1,075 m<sup>3</sup> Gỗ Chò Xót có trị giá 2.150.000 đ (Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng); 2,398 m<sup>3</sup> Gỗ tròn thông thường nhóm VIII có trị giá 4.700.080đ (Bốn triệu, bảy trăm nghìn không trăm tám mươi đồng). Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 25.132.080đ (Hai mươi năm triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, không trăm tám mươi đồng).

Tại công văn số 112/CV-TNMT ngày 15/4/2022 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Bắc Mê, vị trí Đặng Văn T hủy hoại rừng thuộc các thửa đất số 2,3,5 thuộc tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính giao đất do Ủy ban nhân dân xã Y quản lý nên không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

\* **Tang vật thu giữ:** 01 máy cưa xăng, màu cam, mặt màu đen, trên máy có ký hiệu chữ Husqvarna 365, đã qua sử dụng; 01 (một) lam máy cưa dài 50cm, đã qua sử dụng; 01 (một) xích máy cưa dài 55cm, đã qua sử dụng; 01 (một) con dao quắm dài 60cm, cán dài 20 cm đã qua sử dụng; Số gỗ bị cáo dùng làm nhà là 6, 094 m<sup>3</sup> Trong đó: Gỗ Cáng lò; 1,075 m<sup>3</sup> Gỗ Chò Xót; 2,398 m<sup>3</sup> Gỗ tròn nhóm VIII.

**Về trách nhiệm dân sự:** Tại cơ quan điều tra đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường thiệt hại do hành vi hủy hoại rừng gây ra với số tiền 25.132.080 đ (*Hai mươi năm triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, không trăm tám mươi đồng*). Bị cáo đã bồi thường được số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường số tiền còn lại là 10.132.080 đ (*Mười triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, không trăm tám mươi đồng*). Yêu cầu bị cáo sau 3 năm rừng phát tán bàn giao lại rừng cho UBND xã quản lý.

Về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo hưởng án treo chấp hành án tại địa phương.

Tại bản cáo trạng số32/CT-VKS ngày 27/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội Hủy hoại rừng, theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Đặng Văn T phạm tội Hủy hoại rừng.

- Hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; Điều 50; Điều 54; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Không; về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đặng Văn T bồi thường cho UBND xã Y, huyện Bắc Mê, tổng số tiền 25.132.080 đ để nộp sung vào ngân sách nhà nước, được khấu trừ số tiền bị cáo Đặng Văn T đã nộp 15.000.000 đ theo biên lai thu tiền số 0003178 ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 10.132.080 đ.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 máy cưa xăng, màu cam, mặt màu đen, trên máy có ký hiệu chữ Husqvarna 365, đã qua sử dụng; 01 (một) lam máy cưa dài 50cm, đã qua sử dụng; 01 (một) xích máy cưa dài 55cm, đã qua sử dụng; 01 (một) con dao quắm dài 60cm, cán dài 20cm đã qua sử dụng. Giao 6, 094 m<sup>3</sup> Gỗ Cáng lò; 1,075 m<sup>3</sup> Gỗ Chò Xót; 2,398 m<sup>3</sup> Gỗ tròn nhóm VIII bị cáo đã làm nhà, bị cáo đã bồi thường cho bị cáo tiếp tục sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội. Miễn tiền án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Văn T.

Đối với Hoàng Văn D có hành vi đốn gỗ khoảng 15m<sup>3</sup> gỗ thông thường để lấy 20.000 cây giống mở giữa Đặng Văn T và Hoàng Văn D nhưng Hoàng Văn D không biết số gỗ trên là do hành vi hủy hoại rừng của T gây ra, hiện số gỗ trên không còn, đồng thời không xác định được chủng loại, nhóm gỗ và khối lượng chính xác để định giá tài sản do vậy không đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật đối với Hoàng Văn D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo có ý kiến:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, quá trình sinh sống, làm việc tại địa phương chưa vi phạm lần nào; bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, tự nguyện trồng lại diện tích rừng đã phát. Ngoài ra bị cáo trong gia đình có bố đẻ được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất, trong quá trình sinh sống tại địa phương được UBND xã Y tặng nhiều giấy khen vì đã hiến đất để làm đường, được UBND xã đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T mức án khởi điểm của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo số tiền do hành vi hủy hoại rừng gây ra với ô tiền là 25.132.080 đ, bị cáo đã bồi thường 15.000.000 đ. Số tiền còn lại là 10.132.080 đ bị cáo sẽ tiếp tục bồi thường

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định. Miễn toàn bộ án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Văn T; nguyên đơn dân sự nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không có tranh luận.

Bị cáo thực hiện lời nói sau cùng, xin đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra

và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 05 năm 2021 (không nhớ ngày), Đặng Văn T đã có hành vi hủy hoại rừng (chặt, phá rừng để trồng cây trồng khác) địa điểm vị trí chặt phá rừng thuộc lô 7,8, khoảnh 2, tiểu khu 151B, (theo Bản đồ điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2025 được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018) chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, căn cứ Theo Quyết định 279/QĐ-UBND, ngày 09/3/2020 của UBND huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang về việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân là rừng thuộc trách nhiệm quản lý, bảo vệ của hộ gia đình bị cáo Đặng Văn T. Số lượng, chủng loại cây rừng bị chặt phá là 316 cây gỗ có tổng trị giá sau khám nghiệm hiện trường thu hồi được là **25.132.080đ** (*Hai mươi năm triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, không trăm tám mươi đồng*).

Hành vi của Đặng Văn T hủy hoại rừng tự nhiên là rừng sản xuất diện tích là 21.000m<sup>2</sup> đã vượt quá mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; điểm b, khoản 9, Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi của Đặng Văn T đã cấu thành tội Hủy hoại rừng “*Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) đến dưới 50.000 mét vuông (m<sup>2</sup>)*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Hủy hoại rừng* theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội bị cáo thuộc trường nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chặt phá toàn bộ các cây gỗ mục đích trồng cây có giá trị kinh tế cao. Bị cáo trực tiếp chặt phá rừng. Trước khi chặt phá rừng, bị cáo không làm thủ tục xin phép cơ quan Nhà nước theo quy định. Hành vi chặt phá cây trên đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên làm thay đổi sinh thái môi trường rừng, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng. Hậu quả thiệt hại là 316 cây gỗ các loại trị giá là 25.132.080 đ và diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất tổng diện tích là 21.000 m<sup>2</sup>. Nên cần xử phạt bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

[5] Bị cáo Đặng Văn T đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ

biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 125, 278 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường một phần thiệt hại số tiền 15.000.000 đ, trình độ học vấn thấp hiểu biết pháp luật hạn chế; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, quá trình sinh sống, làm việc tại địa phương chưa vi phạm lần nào; bị cáo đã tự nguyện trồng mới toàn bộ diện tích đã phát, và khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Ngoài ra bị cáo trong gia đình có bố để được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất, trong quá trình sinh sống tại địa phương được UBND xã Y tặng nhiều giấy khen vì đã hiến đất để làm đường, được UBND xã có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự đại diện UBND xã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo đã hưởng án treo chấp hành hình phạt tại địa phương, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[9] Trong vụ án này còn có đối tượng liên quan:

Đối với Hoàng Văn D có hành vi đốn gỗ khoảng 15m<sup>3</sup> gỗ thông thường để lấy 20.000 cây giống mỡ giữa Đặng Văn T và Hoàng Văn D nhưng ông Dân không biết số gỗ trên là do hành vi phá rừng trái phép của T gây ra, hiện số gỗ trên không còn, đồng thời không xác định được chủng loại, nhóm gỗ và khối lượng chính xác để định giá tài sản do vậy không đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật đối với Hoàng Văn D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự UBND xã Y không đề nghị bị cáo bồi thường số tiền thiệt hại, tuy nhiên đây là số tiền thiệt hại do hành vi hủy hoại rừng gây ra nên HĐXX xét thấy cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường để sung công quỹ nhà nước.

[11] Về hình phạt bổ sung: Quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ”. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa thì bị cáo là người dân lao động thuần túy, thu nhập không ổn định, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch tiêu hủy 01 máy cưa xăng, màu cam, mặt màu đen, trên máy có ký hiệu chữ Husqvarna 365, đã qua sử

dụng; 01 (một) lam máy cưa dài 50cm, đã qua sử dụng; 01 (một) xích máy cưa dài 55cm, đã qua sử dụng; 01 con dao quắm dài 60cm. do đã hỏng không có giá trị. Đối với 6,094 m<sup>3</sup> Gỗ Cáng lò; 1,075 m<sup>3</sup> Gỗ Chò Xót; 2,398 m<sup>3</sup> Gỗ tròn nhóm VIII bị cáo đã sử dụng để làm nhà ở và bị cáo đã bồi thường bằng tiền nên cần tiếp tục giao cho bị cáo sử dụng.

[13] Về án phí: Bị cáo Đặng Văn T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[14] Chấp nhận ý kiến, quan điểm của người bào chữa tại phiên tòa cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[15] Từ những căn cứ trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[16] Quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; khoản 1 điều 54; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn T cho UBND xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Hủy bỏ ngay biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đặng Văn T.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Văn T bồi thường về tổng trị giá thiệt hại về lâm sản là 25.132.080đ (*Hai mươi năm triệu một trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi nghìn đồng*) cho UBND xã Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang để nộp sung vào ngân sách nhà nước được khấu trừ số tiền bị cáo Đặng Văn T đã

nộp 15.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0003178 ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

Buộc bị cáo Đặng Văn T bồi thường số tiền còn lại là 10.132.080 đ để nộp sung ngân sách nhà nước.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 máy cưa xăng, màu cam, mặt màu đen, trên máy có ký hiệu chữ Husqvarna 365, đã qua sử dụng; 01 (một) lam máy cưa dài 50cm, đã qua sử dụng; 01 (một) xích máy cưa dài 55cm, đã qua sử dụng; 01 (một) con dao quắm dài 60cm, cán dài 20cm đã qua sử dụng.

Giao cho bị cáo Đặng Văn T được sử dụng 6,094 m<sup>3</sup> Gỗ Cáng lò; 1,075 m<sup>3</sup> Gỗ Chò Xót; 2,398 m<sup>3</sup> Gỗ tròn nhóm VIII bị cáo đã sử dụng làm nhà ở.

*(Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/11/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê).*

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Văn T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Mê;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện Bắc Mê;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Văn Thuận**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Mạnh Nô - Nguyễn Minh Thư**

**Hoàng Văn Thuận**

